

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2024

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Bà Võ Thị Diễm Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 339/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023, về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, năm sinh 1973.

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Đinh Văn Đ**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Phạm Thị T và ông Đinh Văn Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 19/12/2002. Trong quá trình chung sống cả hai nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

- Về con chung: có 03 con chung là Đinh Thị Cẩm T, sinh ngày 16/8/1995 và Đinh Thế B, sinh ngày 20/01/2000 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên không đặt ra giải quyết; Về con chung chưa thành niên Đinh Bảo K, sinh ngày 19/5/2013 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Do điều kiện tính chất công việc đi lại khó khăn nên nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đinh Văn Đ trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông Đinh Văn Đ thống nhất với nội dung đơn khởi kiện và toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 19/12/2002. Đến cuối năm 2021 ông bà phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông thì ông thống nhất. Về con chung: có 03 con chung là Đinh Thị Cẩm T, sinh ngày 16/8/1995 và Đinh Thế B, sinh ngày 20/01/2000 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên không đặt ra giải quyết; Về con chung chưa thành niên Đinh Bảo K, sinh ngày 19/5/2013 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Vì lý do tính chất công việc nên bị đơn không thể tham gia phiên tòa, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông Đinh Văn Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 19/12/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Đ thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn vắng mặt, như vậy chứng tỏ bị đơn không có ý chí muốn đoàn tụ với bà T, thể hiện rõ qua nội dung lời khai thống nhất ly hôn với bà T. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Đinh Văn Đ đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai có 03 con chung là Đinh Thị Cẩm T, sinh ngày 16/8/1995 và Đinh Thế B, sinh ngày 20/01/2000 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên không đặt ra giải quyết; Về con chung chưa thành niên Đinh Bảo K, sinh ngày 19/5/2013 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, giao cháu Đinh Bảo K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển và ổn định đời sống cũng như việc học tập của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Từ những căn cứ trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9; 14; 15; 51; 53; 56; 57; 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Đinh Văn Đ.

- Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai có 03 con chung là Đinh Thị Cẩm T, sinh ngày 16/8/1995 và Đinh Thế B, sinh ngày 20/01/2000 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên không đặt ra giải quyết; Về con chung chưa thành niên Đinh Bảo K, sinh ngày 19/5/2013 có nguyện vọng sống chung với mẹ nên thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0013976 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thảo Ngoan